TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST
Ngày 21/7/2020.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Đáng.

Ông Nguyễn Hoàng N.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Chung Hữu Toàn, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2020/TLST-HNGĐ, ngày 04/02/2020, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST-HN, ngày 08 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/02/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Văn B xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/6/2005, tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Khi tiến đến hôn nhân chị và anh B có quen nhau khoảng

01 năm rồi tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán, nữ trang ngày cưới đã bán hết không còn. Quá trình chung sống do bất đồng ý kiến về chỗ ở dẫn đến cãi vã với nhau, trong khoảng thời gian từ đầu năm 2018 đến đầu năm 2019, anh B bê tha rượu chè, uống rượu hàng ngày, không quan tâm chăm lo cuộc sống gia đình, từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều, cãi vã và chửi nhau thường xuyên, sống không có hạnh phúc, chị bỏ nhà đi thành phố Hồ Chí Minh làm và ly thân từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

- *Về nuôi con tên:* Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 06/6/2005 (*có nguyện vọng sống với cha*); Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 21/3/2008 (*có nguyện vọng sống với cha*). Chị tự nguyện giao 02 con cho anh Nguyễn Văn B được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con khi ly hôn.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung của vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Chị không tranh chấp, không khởi kiện.

Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Văn B là bị đơn trong vụ án, anh B vắng mặt lần thứ nhất và có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 06/6/2005 trình bày: Trường hợp cha mẹ ly hôn với nhau, nguyện vọng của con xin được sống với cha.

Tại phiên tòa Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 21/3/2008, trình bày: Trường hợp cha mẹ ly hôn với nhau, nguyện vọng của con xin được sống với cha.

Những tình tiết các bên đương sự thống nhất với nhau:

- *Về hôn nhân:* Chị D và anh B xác lập hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 27/6/2005, tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nay chị D và anh B đều có nguyện vọng được ly hôn với nhau.

- *Về nuôi con tên*: Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 06/6/2005 (*có nguyện vọng sống với cha*); Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 21/3/2008 (*có nguyện vọng sống với cha*). Chị D tự nguyện giao 02 con cho anh B được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con khi ly hôn. Anh B đồng ý.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Anh B và chị D đều không tranh chấp, không khởi kiện.

Các bên đương sự không thống nhất với nhau: Không có.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định

pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị D, xử cho chị D được ly hôn với anh B, giao 02 con cho anh B được quyền nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả, do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm buộc chị D nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy anh B là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa anh B vắng mặt lần thứ nhất và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị D khởi kiện anh B yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh B, chị giao 02 con cho anh B được quyền nuôi dưỡng, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy chị D và anh B xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/6/2005, tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn, từ đó xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

Chị D khai: Do bất đồng ý kiến về chỗ ở dẫn đến cãi vã với nhau thường xuyên, trong khoảng thời gian từ đầu năm 2018 đến nay anh B bê tha rượu chè, uống rượu hàng ngày, không quan tâm chăm lo cuộc sống gia đình, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều, cãi vã và chửi nhau thường xuyên, sống không có hạnh phúc, chị bỏ nhà đi thành phố Hồ Chí Minh làm rồi ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Tại phiên tòa anh B vắng mặt. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai đề ngày 22/6/2020 anh B khai: Do làm ăn thua lỗ nên phải bán nhiều tài sản để trả nợ, từ đó dẫn đến bất đồng quan điểm với nhau về lối sống, ứng xử giao tiếp và tình cảm, bất hòa xảy ra liên tục, vợ chồng cãi vã với nhau thường xuyên, sống không có hạnh phúc, anh thừa nhận có uống rượu hàng ngày, không đi làm, chị D giận bỏ nhà đi thành phố Hồ Chí Minh làm rồi ly thân từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay, mạnh

ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau, nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay anh đồng ý ly hôn với chị D.

Xét thấy khi mâu thuẫn xảy ra từ năm 2018 đến nay, chị D và anh B đều bỏ mặt, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, đã ly thân từ tháng 01 năm 2019 đến nay gần 02 năm, chị D và anh B không trao đổi việc hàn gắn đoàn tụ tình cảm vợ chồng, căn cứ vào các biên bản ghi lời khai chị D và anh B đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và anh chị đều có nguyện vọng xin được ly hôn với nhau.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn tình cảm giữa chị D và anh B là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị D, xử cho chị D được ly hôn với anh B là đúng quy định pháp luật.

- *Về nuôi con:* Xét thấy chị D và anh B chung sống sinh 02 người con tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 06/6/2005 (*có nguyện vọng sống với cha*); Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 21/3/2008 (*có nguyện vọng sống với cha*). Trong thời gian ly thân, 02 con sống với anh B và được anh B chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo về mọi mặt. Tại phiên tòa chị D giao 02 con cho anh B được quyền nuôi dưỡng là phù hợp với ý kiến của anh B được thể hiện qua biên bản lấy lời khai đề ngày 22/6/2020 và phù hợp với nguyện vọng của 02 con xin được sống với anh B. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao 02 con cho anh B được quyền trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp với quy định pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Chị D và anh B không tranh chấp, không khởi kiện. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị D nộp 300.000 đồng.

[5]. Xét lời trình bày của Kiểm sát viên về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 147, 227, 228; 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị D.

- *Về hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

- *Về nuôi con:*

+ Anh Nguyễn Văn B được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng hai con tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 06/6/2005 và Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 21/3/2008, khi ly hôn.

+ Chị Nguyễn Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trỡ người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Buộc chị Nguyễn Thị D nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005656, ngày 03/02/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:*

+ Chị Nguyễn Thị D có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Anh Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- UBND xã M, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm